

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**

Ngày 11 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ..... | 5 |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ | 5 |
| CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY..... | 2 |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty | 2 |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty | 3 |
| CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ... | 3 |
| Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động | 3 |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động | 3 |
| CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN | 3 |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần | 3 |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu | 4 |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác | 5 |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần | 5 |
| CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ..... | 5 |
| Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý | 5 |
| CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 5 |
| Điều 11. Quyền của cổ đông | 5 |
| Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông | 7 |
| Điều 13. Đại hội đồng cổ đông..... | 8 |
| Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông..... | 9 |
| Điều 15. Đại diện theo ủy quyền | 10 |
| Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông..... | 12 |
| Điều 17. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông..... | 13 |
| Điều 18. Thể thức tiên hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông | 13 |
| Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 15 |
| Điều 20. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông..... | 15 |
| Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 16 |
| Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông | 18 |
| Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông..... | 18 |

| | |
|--|----|
| CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 19 |
| Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị | 19 |
| Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị..... | 20 |
| Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | 20 |
| Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị | 22 |
| Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị | 23 |
| Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị..... | 23 |
| Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty | 25 |
| CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | 25 |
| Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý | 25 |
| Điều 32. Người điều hành Công ty..... | 26 |
| Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc..... | 26 |
| CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT..... | 27 |
| Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát..... | 27 |
| Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát | 28 |
| Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát | 28 |
| Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát..... | 28 |
| Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát | 30 |
| Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát | 30 |
| CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC..... | 31 |
| Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng | 31 |
| Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi..... | 31 |
| Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan | 31 |
| Điều 43. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan | 32 |
| Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường..... | 33 |
| CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ | 33 |
| Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ | 33 |
| CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN..... | 34 |
| Điều 46. Công nhân viên và công đoàn..... | 34 |
| CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... | 34 |
| Điều 47. Phân phối lợi nhuận | 34 |
| CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHÈ ĐỘ KẾ TOÁN. | 35 |
| Điều 48. Tài khoản ngân hàng..... | 35 |

| | |
|---|----|
| Điều 49. Năm tài chính..... | 35 |
| Điều 50. Chế độ kế toán | 35 |
| CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN | 36 |
| Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý | 36 |
| Điều 52. Báo cáo thường niên | 36 |
| CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN | 36 |
| Điều 53. Kiểm toán..... | 36 |
| CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY | 36 |
| Điều 54. Dấu của Công ty | 36 |
| CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY..... | 37 |
| Điều 55. Giải thể Công ty..... | 37 |
| Điều 56. Thanh lý | 38 |
| CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ | 38 |
| Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ..... | 38 |
| CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ..... | 39 |
| Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ | 39 |
| CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC | 39 |
| Điều 59. Hiệu lực..... | 39 |
| PHỤ LỤC SỐ 01/PLĐL | 1 |

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025.

c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

d. “Người quản lý” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành.

đ. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

e. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

h. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

i. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

k. “Cổ đông phổ thông” là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông;

l. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

m. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

n. “Địa chỉ liên lạc của cổ đông” là địa chỉ của cổ đông trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại thời điểm gần nhất.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty

1. Tên công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

- Tên tiếng Anh: DONG NAI MATERIAL AND BUILDING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: DNC

- Logo Công ty:



- Logo sản phẩm:

+ Logo sản phẩm đá:



+ Logo sản phẩm bê tông:



+ Logo sản phẩm gạch



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 138, khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: (84.251) 3 899 886

- E-mail: dnc@vatlieudongnai.vn

- Website: <http://www.vatlieudongnai.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Công ty có 01 Chi nhánh:

Tên chi nhánh: XÍ NGHIỆP BÊ TÔNG ĐỒNG NAI – CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI.

Địa chỉ chi nhánh: Lô E – Lô F Cụm Công nghiệp Hồ Nai 3, xã Hồ Nai 3, huyện trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại chi nhánh: 0915 832719

5. Trừ trường hợp giải thể theo Điều 55 Điều lệ này, Công ty hoạt động vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.

b. Người đại diện theo pháp luật thực hiện trách nhiệm theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động

1. Ngành, nghề kinh doanh: theo Phụ lục số 01/PLĐL đính kèm Điều lệ.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Trở thành một trong những công ty sản xuất vật liệu xây dựng hàng đầu tại tỉnh Đồng Nai và Khu vực; Tạo ra giá trị tốt nhất cho khách hàng, cổ đông, người lao động và chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng xã hội; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, góp phần công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề nêu tại Điều lệ này, đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 128.340.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tám tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.834.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần hoặc thời hạn khác quy định tại phương án phát hành, cổ đông được cấp chứng nhận cổ phiếu. Cổ đông không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên UPCOM, việc chuyển nhượng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ này và pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 9 Điều lệ này.

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và theo khoản 3, khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 4 Điều 16 Điều lệ này;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 34 Điều lệ này. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp thành nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần; Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban

Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát;

e. Mức cổ tức hằng năm đối với mỗi cổ phần của từng loại.

2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- e. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - h. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - m. Việc ký kết hợp đồng, giao dịch với người có liên quan quy định tại khoản 4 Điều 43 Điều lệ này;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại diện theo ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
 - a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:
 - Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện.
 - Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.
 - Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.
 - Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.
 - Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.
 - Cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần trở lên có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện.
 - b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

c. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

d. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp đó làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty.

2. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp bất thường theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm

việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm (5) % cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

2. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

3. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi làm thủ tục đăng ký dự họp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, cổ đông giơ thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Sau khi thu và kiểm

phiếu biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa công bố trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để tổ chức, điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

đ. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Việc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- d. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 20. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau được thông qua nếu được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ này ngoại trừ yêu cầu về thời gian.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết về các nội dung sau được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

9. Ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều này, nghị quyết về các nội dung khác được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo Điều này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký; Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này; Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu

cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố, mỗi quan hệ gia đình được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- c. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
- d. Không được là người có quan hệ gia đình của:
 - Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
 - Người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 4 Điều 24 Điều lệ này hoặc có đơn từ chức và được chấp thuận.
 - b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này.
 - d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).
 - đ. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 và khoản 4 Điều 43 Điều lệ này;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc và người điều hành khác; cử người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác, quyết định tiền thưởng và quyền lợi khác của những người này;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý quy định tại Điều 10 Điều lệ này; quyết định các quy chế quản lý nội bộ của Công ty ngoại trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty.

s. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

t. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách được trả lương. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng theo Quy chế Lương, Thưởng và thù lao của Công ty. Mức tiền thưởng của Chủ tịch và từng thành viên Hội đồng quản trị tạm chi trong năm do Hội đồng quản trị phê duyệt và sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất thông qua.

5. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, tin nhắn điện thoại, email, fax hoặc phương tiện điện tử khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng

quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán đang kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp công ty;

d. Tham dự các cuộc họp (nếu được yêu cầu)

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc và người

điều hành khác. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh người điều hành phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có liên quan theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán của:

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ;

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ;

- Người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại Công ty.

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Đề nghị Hội đồng quản trị tuyển dụng, bổ nhiệm, ký hợp đồng với người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty.

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Trưởng, Phó phòng, ban Công ty, Giám đốc và Phó Giám đốc chi nhánh, giám đốc và phó giám đốc các đơn vị trực thuộc trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc xác định ứng cử viên Ban Kiểm soát và công bố thông tin thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát.

4. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không được là người có quan hệ gia đình của:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty mẹ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ;

- Người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại Công ty.

d. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác trong việc quản lý và điều hành công ty; giám sát tình hình tài chính của Công ty; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và bán niên của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

6. Thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, phải báo cáo Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra; Việc kiểm tra quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

8. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

11. Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; Đề xuất Hội đồng quản trị công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

13. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

14. Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

15. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

18. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách được trả tiền lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng theo Quy chế Lương, Thưởng và Thù lao của Công ty. Mức tiền thưởng của Trưởng ban và từng thành viên Ban kiểm soát tạm chi trong năm do Hội đồng quản trị phê duyệt và sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất thông qua.

từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Mức thưởng cho Trưởng Ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập trong hạn mức ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của những người này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa họ và những người có liên quan của họ với Công ty, công ty con theo quy định của pháp luật. Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán về các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận các giao dịch này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của những người này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 43. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả các cổ đông và người có liên quan của cổ đông.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả những người quản lý của Công ty và những người có liên quan của họ.

3. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các trường hợp sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Điều lệ này.

4. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

b. Các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong các trường hợp này, cổ đông không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà cổ đông đó có lợi ích liên quan.

5. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Các hợp đồng, giao dịch tại điểm a khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

b. Các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ tương ứng với quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Sau khi bù đắp khoản lỗ của các năm trước (nếu có), Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng cho các cá nhân, đơn vị hữu quan, Quỹ công tác xã hội cộng đồng và quỹ khác nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức trong phạm vi kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công

ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh:

Trong trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Hội đồng quản trị phải đề xuất Đại hội đồng cổ đông xử lý theo hai phương án sau:

a. Chuyển lỗ sang năm sau theo các quy định hiện hành, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

b. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Phá sản.

9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các tổ chức này thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 54. Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định giải thể Công ty. Trường hợp giải thể do bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Công ty phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, để quyết định giải thể.

b. Nghị quyết, quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Lý do giải thể;
- Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty;
- Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tài sản Công ty.

d. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

đ. Người đại diện theo pháp luật gửi hồ sơ giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.

Điều 56. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác;

đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp hoặc các quy định pháp luật khác giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo Bản án/ Quyết định của Toà án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với nội dung trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC

Điều 59. Hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai thông qua ngày 11/04/2026 thay thế cho Điều lệ ngày 13/04/2025.

2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau. Một (01) bản nộp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Chín (09) bản lưu giữ tại Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Anh Điền

PHỤ LỤC SỐ 01/PLĐL
Đính kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

| Stt | Tên ngành | Mã ngành |
|------------|---|-----------------|
| 1 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác, chế biến, cát, đất, đá các loại. | 0810 |
| 2 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 5222 |
| 3 | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất xi măng. | 2394 |
| 4 | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm; Sản xuất gạch xi măng cốt liệu. | 2395 |
| 5 | Xây dựng nhà ở Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, đầu tư xây dựng khu dân cư, nhà hàng, cao ốc, văn phòng cho thuê. | 4101 |
| 6 | Xây dựng nhà không ở Chi tiết: Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, trung tâm thương mại. | 4102 |
| 7 | Xây dựng công trình điện Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện. | 4221 |
| 8 | Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi. | 4291 |
| 9 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. | 4299 |
| 10 | Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng. | 4312 |
| 11 | Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công, lắp đặt công trình điện đến 220KV. | 4321 |
| 12 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp. | 4659 |

| Stt | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 13 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán cát, đất, đá các loại. Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, Mua bán gạch xi măng cốt liệu. | 4673 |
| 14 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng. | 7120 |
| 15 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. | 6810 |
| 16 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. | 4933 |
| 17 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất gạch ngói các loại. | 2392 |

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Anh Điền



**DONG NAI MATERIAL & BUILDING
INVESTMENT JOINT - STOCK COMPANY**



**COMPANY CHARTER OF DONG NAI
MATERIAL & BUILDING INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

April 11, 2026



TABLE OF CONTENTS

| | |
|---|----|
| CHAPTER I. DEFINITIONS OF TERMS IN THE CHARTER..... | 5 |
| Article 1. Interpretation of Terms..... | 5 |
| CHAPTER II. NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, DURATION OF OPERATION, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY..... | 2 |
| Article 2. Name, Form, Head Office, Branches, Representative Offices, and Duration of Operation of the Company | 2 |
| Article 3. Legal Representative of the Company | 3 |
| CHAPTER III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS, AND OPERATIONS OF THE COMPANY..... | 3 |
| Article 4. Business Sectors and Objectives | 3 |
| Article 5. Scope of Business and Operations | 3 |
| CHAPTER IV. CHARTER CAPITAL, SHARES..... | 4 |
| Article 6. Charter Capital, Shares..... | 4 |
| Article 7. Share Certificates | 4 |
| Article 8. Other Security Certificates | 5 |
| Article 9. Transfer of Shares | 5 |
| CHAPTER V. MANAGEMENT STRUCTURE..... | 5 |
| Article 10. Management Structure | 5 |
| CHAPTER VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS | 5 |
| Article 11. Rights of Shareholders | 5 |
| Article 12. Obligations of Shareholders | 7 |
| Article 13. General Meeting of Shareholders..... | 8 |
| Article 14. Rights and Obligations of the General Meeting of Shareholders | 10 |
| Article 15. Authorized Representation | 11 |
| Article 16. Convening, Agenda, and Notice of the General Meeting of Shareholders... .. | 13 |
| Article 17. Conditions for Conducting the General Meeting of Shareholders..... | 14 |
| Article 18. Procedures for Conducting and Voting at the General Meeting of Shareholders | 14 |
| Article 19. Forms of Resolution Approval by the General Meeting of Shareholders..... | 16 |
| Article 20. Conditions for Approval of Resolutions by the General Meeting of Shareholders | 17 |
| Article 21. Authority and Procedures for Collecting Written Opinions of Shareholders for Resolution Approval by the General Meeting of Shareholders | 17 |

| | |
|--|----|
| Article 22. Resolutions, Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders | 19 |
| Article 23. Request for Annulment of the Resolution of the General Meeting of Shareholders | 20 |
| CHAPTER VII. BOARD OF DIRECTORS | 21 |
| Article 24. Candidacy and Nomination for Members of the Board of Directors..... | 21 |
| Article 25. Composition and Term of the Board of Directors | 22 |
| Article 26. Powers and Duties of the Board of Directors..... | 23 |
| Article 27. Remuneration, Salaries, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors | 24 |
| Article 28. Chairman of the Board of Directors | 25 |
| Article 29. Meetings of the Board of Directors..... | 26 |
| Article 30. Corporate Governance Officer | 27 |
| CHAPTER VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES | 28 |
| Article 31. Organization of the Management Apparatus | 28 |
| Article 32. Company Executives | 28 |
| Article 33. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the General Director | 29 |
| CHAPTER IX. SUPERVISORY BOARD | 30 |
| Article 34. Nomination and Candidacy for Members of the Supervisory Board..... | 30 |
| Article 35. Composition and Term of the Supervisory Board | 31 |
| Article 36. Head of the Supervisory Board | 31 |
| Article 37. Rights and Obligations of the Supervisory Board..... | 31 |
| Article 38. Meetings of the Supervisory Board..... | 33 |
| Article 39. Salaries, Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Supervisory Board Members | 33 |
| CHAPTER X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE GENERAL DIRECTOR, AND OTHER EXECUTIVES | 34 |
| Article 40. Duty of Care | 34 |
| Article 41. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest..... | 34 |
| Article 42. Disclosure of Related Interests..... | 34 |
| Article 43. Contracts and Transactions with Related Persons | 35 |
| Article 44. Liability for Damages and Compensation..... | 36 |
| CHAPTER XI. RIGHT TO INSPECT BOOKS AND RECORDS..... | 37 |
| Article 45. Right to Inspect Books and Records | 37 |
| CHAPTER XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION | 37 |
| Article 46. Employees and Trade Union | 37 |

| | |
|--|----|
| CHAPTER XIII. PROFIT DISTRIBUTION..... | 38 |
| Article 47. Profit Distribution..... | 38 |
| CHAPTER XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME | 39 |
| Article 48. Bank Accounts | 39 |
| Article 49. Fiscal Year..... | 39 |
| Article 50. Accounting Regime | 39 |
| CHAPTER XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE RESPONSIBILITIES | 39 |
| Article 51. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements | 39 |
| Article 52. Annual Report | 40 |
| CHAPTER XVI. AUDIT | 40 |
| Article 53. Audit | 40 |
| CHAPTER XVII. COMPANY SEAL | 40 |
| Article 54. Company Seal..... | 40 |
| CHAPTER XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY..... | 40 |
| Article 55. Dissolution of the Company | 40 |
| Article 56. Liquidation | 41 |
| CHAPTER XIX. RESOLUTION OF INTERNAL DISPUTES..... | 42 |
| Article 57. Resolution of Internal Disputes..... | 42 |
| CHAPTER XX. AMENDMENT AND SUPPLEMENTATION OF THE CHARTER..... | 43 |
| Article 58. Amendment and Supplementation of the Charter | 43 |
| CHAPTER XXI. EFFECTIVENESS | 43 |
| Article 59. Effectiveness | 43 |
| APPENDIX NO. 01/PLDL | 1 |

CHAPTER I. DEFINITIONS OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Interpretation of Terms

1. In this Charter, the following terms shall be understood as follows:

a. “Charter Capital” means the total par value of shares sold as stipulated in Article 6 of this Charter;

b. “Enterprise Law” refers to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, as amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022, and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025.

c. “Securities Law” refers to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019, as amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024;

d. “Manager” includes the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, and executives.

e. “Executive” refers to the General Director, Deputy General Directors, and Chief Accountant.

f. “Relatives” of a person include: the spouse, biological parents, adoptive parents, parents-in-law, biological children, adopted children, children-in-law, biological siblings, siblings-in-law and biological siblings of the spouse.

g. “Related Person” refers to individuals or organizations as defined in Clause 46, Article 4 of the Securities Law and Clause 23, Article 4 of the Enterprise Law;

h. “Vietnam” refers to the Socialist Republic of Vietnam;

i. “Shareholder” refers to an individual or organization owning at least one share of the Company;

j. “Common Shareholder” refers to a shareholder owning common shares;

k. “Major Shareholder” refers to a shareholder owning 5% or more of the Company's voting shares;

l. “Stock Exchange” refers to the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

m. “Shareholder's Contact Address” refers to the address of the shareholder in the Consolidated List of Securities Holders provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation at the most recent time.

2. In this Charter, references to one or more provisions or other documents include any amendments or replacement documents.

3. The headings (chapters, articles of this Charter) are used for convenience of understanding the content and do not affect the content of this Charter.

CHAPTER II. NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, DURATION OF OPERATION, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Article 2. Name, Form, Head Office, Branches, Representative Offices, and Duration of Operation of the Company

1. Company Name

- Vietnamese Name: CONG TY CO PHAN DAU TU XAY DUNG VA VAT LIEU DONG NAI

- English Name: DONG NAI MATERIAL & BUILDING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

- Abbreviated Name: DNC

- Company Logo:



- Product Logo:

+ Stone Product Logo:



+ Concrete Product Logo:



+ Brick Product Logo



2. The Company is a joint stock company with legal entity status in accordance with the current laws of Vietnam.

3. The registered head office of the Company is:

- Address: No. 138, Quarter 1, Nguyen Ai Quoc Street, Trang Dai Ward, Dong Nai Province.

- Telephone: (84.251) 3 899 886

- E-mail: dnc@vatlieudongnai.vn

- Website: <http://www.vatlieudongnai.vn>

4. The Company may establish branches and representative offices in business locations to achieve the Company's operational objectives in accordance with the decisions of the Board of Directors and within the scope permitted by law.

The Company has 01 Branch:

Branch Name: DONG NAI CONCRETE ENTERPRISE – BRANCH OF DONG NAI MATERIAL & BUILDING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Branch Address: Lot E – Lot F, Ho Nai 3 Industrial Cluster, Ho Nai 3 Commune, Trang Bom District, Dong Nai Province.

Branch Telephone: 0915 832719

5. Except for dissolution under Article 55 of this Charter, the Company operates indefinitely.

Article 3. Legal Representative of the Company

1. The Company has 01 (one) legal representative. The General Director is the legal representative of the Company.

2. Powers and Duties of the Legal Representative:

a. The legal representative represents the Company in exercising rights and obligations arising from the Company's transactions, represents the Company as the petitioner in civil matters, plaintiff, defendant, or person with related rights and obligations before Arbitration, Court.

b. The legal representative performs responsibilities under Article 13 of the Enterprise Law and other rights and obligations as prescribed by current law.

CHAPTER III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS, AND OPERATIONS OF THE COMPANY

Article 4. Business Sectors and Objectives

1. Business Sectors: as per Appendix No. 01/PLDL attached to the Charter.

2. The Company's operational objectives are to become one of the leading building materials manufacturers in Dong Nai Province and the region; to create the best value for customers, shareholders, and employees, and to share responsibility with the community; to fully fulfill obligations to the State Budget, contributing to the industrialization and modernization of the country.

Article 5. Scope of Business and Operations

The Company is authorized to conduct business activities in the sectors specified in this Charter, which have been registered, notified of registration changes with the business registration authority, and published on the National Business Registration Portal.

CHAPTER IV. CHARTER CAPITAL, SHARES

Article 6. Charter Capital, Shares

1. The Company's charter capital is VND 128,340,000,000 (One hundred twenty-eight billion, three hundred forty million Vietnamese dong).

The total charter capital of the Company is divided into 12,834,000 shares, with a par value of VND 10,000 per share.

2. The Company may change its charter capital upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with legal regulations.

3. All shares of the Company as of the date of adoption of this Charter are common shares.

4. The Company may issue other types of preferred shares upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with legal regulations.

5. Common shares must be offered preferentially to existing shareholders in proportion to their ownership of common shares in the Company, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. Shares not fully subscribed by shareholders will be determined by the Company's Board of Directors. The Board of Directors may distribute such shares to entities under conditions and methods deemed appropriate by the Board, but may not sell those shares under more favorable conditions than those offered to existing shareholders unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.

6. The Company may repurchase shares it has issued in the manner prescribed in this Charter and applicable law.

7. The Company may issue other types of securities in accordance with legal regulations.

Article 7. Share Certificates

1. Shareholders of the Company shall be issued share certificates corresponding to the number and type of shares owned.

2. A share certificate is a type of security that confirms the legal rights and interests of the holder in a portion of the Company's share capital. Share certificates must contain all the contents as stipulated in Clause 1, Article 121 of the Enterprise Law.

3. Within thirty (30) days from the date of submission of a complete application for the transfer of share ownership, or within two (02) months from the date of full payment for the purchase of shares, or another period specified in the issuance plan, shareholders shall be issued share certificates. Shareholders shall not be charged by the Company for the cost of printing share certificates.

4. In the event that a share certificate is lost, damaged, or destroyed in any other form, the Company shall reissue the share certificate at the shareholder's request. The shareholder's request must include the following contents:

a. Information about the share certificate that was lost, damaged, or destroyed in another form;

b. A commitment to bear responsibility for any disputes arising from the issuance of a new share certificate.

Article 8. Other Security Certificates

Bond certificates or other securities certificates of the Company shall be issued with the signature of the legal representative and the Company's seal.

Article 9. Transfer of Shares

1. All shares are freely transferable unless otherwise stipulated by this Charter and the law. The Company's shares have been registered for trading on UPCOM, and the transfer shall be conducted in accordance with the provisions of the law on securities and the securities market.

2. Shares that have not been fully paid for shall not be transferable and shall not enjoy related rights such as the right to receive dividends, the right to receive shares issued to increase share capital from the owner's equity, the right to purchase newly issued shares, and other rights as prescribed by law.

3. In the event that an individual shareholder passes away, the heir by will or by law of that shareholder shall be a shareholder of the Company. In the case where the shares of a deceased individual shareholder have no heir, the heir refuses to accept the inheritance, or is disqualified from inheritance, such shares shall be handled in accordance with the provisions of civil law.

4. Shareholders have the right to donate part or all of their shares to others; use shares to pay debts. In such cases, the recipient of the donation or the debt payment in shares shall become a shareholder of the Company upon completion of the transfer procedures in accordance with this Charter and relevant laws.

CHAPTER V. MANAGEMENT STRUCTURE

Article 10. Management Structure

The management structure of the Company includes:

1. General Meeting of Shareholders;
2. Board of Directors;
3. Supervisory Board;
4. General Director.

CHAPTER VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 11. Rights of Shareholders

1. Common shareholders have the following rights:

- a. Attend, speak at the General Meeting of Shareholders, and exercise voting rights directly or through an authorized representative or other forms as prescribed by the Company's internal governance regulations, this Charter, and the law; Each common share carries one vote;
 - b. Receive dividends at the rate determined by the General Meeting of Shareholders;
 - c. Have the preemptive right to purchase newly issued shares in proportion to the ownership ratio of each common shareholder;
 - d. Freely transfer their shares to others, except for the cases specified in Clause 2, Article 9 of this Charter.
 - e. Review, inspect, and extract information regarding names and contact addresses in the list of shareholders with voting rights; request correction of inaccurate information;
 - f. Review, inspect, extract, or copy the Company Charter, meeting minutes of the General Meeting of Shareholders, and Resolutions of the General Meeting of Shareholders;
 - g. Upon the dissolution or bankruptcy of the Company, receive a portion of the remaining assets corresponding to the ownership ratio of shares in the Company;
 - h. Request the Company to repurchase shares in cases specified in Article 132 of the Enterprise Law;
 - i. Be treated equally;
 - k. Access full periodic and extraordinary information disclosed by the Company in accordance with the law;
 - l. To have their lawful rights and interests protected; to request the suspension or annulment of resolutions or decisions of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors in accordance with the Enterprise Law;
 - m. Other rights as prescribed by law and this Charter.
2. Shareholders or groups of shareholders holding 5% or more of the total common shares have the following rights:
 - a. To request the Board of Directors to convene a General Meeting of Shareholders in cases where the Board of Directors seriously violates the rights of shareholders, the obligations of managers, or makes decisions beyond the authority granted, and pursuant to Clauses 3 and 4 of Article 13 of this Charter.
 - b. To review, examine, and extract minutes and resolutions, decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Supervisory Board, contracts, transactions requiring Board of Directors' approval, and other documents, except those related to the Company's trade secrets and business secrets;

c. To request the Supervisory Board to inspect specific issues related to the management and operation of the Company when deemed necessary. The request must be in writing and include the following details: full name, contact address, nationality, legal document number for individual shareholders; name, enterprise code or legal document number of the organization, head office address for organizational shareholders; number of shares and registration time of each shareholder, total number of shares of the shareholder group, and ownership ratio in the total shares of the Company; issues to be inspected, purpose of inspection;

d. To propose issues to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders in accordance with Clause 4 of Article 16 of this Charter;

đ. Other rights as prescribed by law and this Charter.

3. Shareholders or groups of shareholders owning 10% or more of the total common shares have the right to nominate individuals to the Board of Directors and the Supervisory Board as stipulated in Clause 2 of Article 24 and Clause 2 of Article 34 of this Charter. Common shareholders forming a group to nominate individuals to the Board of Directors and the Supervisory Board must notify the shareholders attending the meeting prior to the commencement of the General Meeting of Shareholders.

Article 12. Obligations of Shareholders

Common shareholders have the following obligations:

1. To be liable for the debts and other property obligations of the Company within the scope of the capital contributed to the Company;

2. Not to withdraw the contributed capital in the form of common shares from the Company in any manner, except for the cases where the Company or another party repurchases the shares; If a shareholder withdraws part or all of the contributed share capital contrary to the provisions of this clause, that shareholder and any related parties in the Company shall jointly be liable for the debts and other property obligations of the Company within the value of the shares withdrawn and any resulting damages;

3. To comply with the Charter and regulations of the Company; to abide by the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors;

4. To keep confidential the information provided by the Company as stipulated in this Charter and by law; to use the information provided solely to exercise and protect their lawful rights and interests; to strictly prohibit the dissemination, copying, or sending the information provided by the Company to other organizations or individuals;

5. To attend the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights through the following forms:

- a. Attend and vote directly at the meeting;
 - b. Authorization for another person to attend and vote at the meeting;
 - c. Attendance and voting through online conferences, electronic voting, or other electronic forms;
 - d. Submission of voting ballots to the meeting via mail, fax, or email;
6. Personal liability when acting on behalf of the Company in any of the following actions:
- a. Violation of the law;
 - b. Conducting business and other transactions for personal gain or to serve the interests of other organizations or individuals;
 - c. Payment of debts not yet due in the face of potential financial risks to the Company.
7. Fulfillment of other obligations as prescribed by law and this Charter.

Article 13. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders comprises all shareholders with voting rights and is the highest decision-making body of the Company. The General Meeting of Shareholders convenes annually once a year and within four (4) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may extend the Annual General Meeting of Shareholders if necessary, but not exceeding six (6) months from the end of the fiscal year. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may convene extraordinarily. The location of the General Meeting of Shareholders is determined as the place where the Chairman attends and must be within the territory of Vietnam.

2. The Board of Directors convenes the Annual General Meeting of Shareholders and selects an appropriate venue. The Annual General Meeting of Shareholders decides on matters as prescribed by law and this Charter, particularly the approval of the audited annual financial statements. In cases where the audit report on the Company's annual financial statements contains material exceptions, adverse opinions, or disclaimers, the Company must invite representatives of the auditing organization that audited the Company's financial statements to attend the Annual General Meeting of Shareholders.

3. The Board of Directors must convene an Extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

- a. The Board of Directors deems it necessary for the benefit of the Company;
- b. The number of remaining members of the Board of Directors or the Supervisory Board is less than the minimum number of members as prescribed by law;

c. At the request of a shareholder or group of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 11 of this Charter; the request to convene the General Meeting of Shareholders must be in writing, clearly stating the reasons and purpose of the meeting, with sufficient signatures of the relevant shareholders or the written request is made in multiple copies and gathers enough signatures of the relevant shareholders; accompanied by the request to convene the meeting must be documents and evidence of violations by the Board of Directors, the extent of violations, or decisions beyond authority. The shareholder or group of shareholders shall bear full legal responsibility for the accuracy and truthfulness of the documents and evidence provided to the competent authority when requesting to convene the General Meeting of Shareholders.

d. At the request of the Supervisory Board;

đ. Other cases as prescribed by law and this Charter.

4. Convening an Extraordinary General Meeting of Shareholders:

a. The Board of Directors must convene the General Meeting of Shareholders within sixty (60) days from the date the number of members of the Board of Directors or the Supervisory Board remains as specified in point b, clause 3 of this Article or upon receiving the request as specified in points c and d, clause 3 of this Article;

b. In the event that the Board of Directors does not convene the General Meeting of Shareholders as stipulated in point a, clause 4 of this Article, the Supervisory Board must replace the Board of Directors in convening the General Meeting of Shareholders within the next thirty (30) days in accordance with clause 3, Article 140 of the Enterprise Law;

c. In the event that the Supervisory Board does not convene the General Meeting of Shareholders as stipulated in point b, clause 4 of this Article, the shareholder or group of shareholders specified in point c, clause 3 of this Article shall have the right to request the Company's representative to convene the General Meeting of Shareholders in accordance with the Enterprise Law;

In this case, the shareholder or group of shareholders convening the General Meeting of Shareholders may request the Business Registration Authority to supervise the order, procedures for convening, conducting the meeting, and making decisions of the General Meeting of Shareholders. All expenses for convening and conducting the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. These expenses do not include the ones incurred by shareholders when attending the General Meeting of Shareholders, including accommodation and travel expenses.

d. Procedures for organizing the General Meeting of Shareholders as stipulated in clause 2, Article 16 of this Charter.

Article 14. Rights and Obligations of the General Meeting of Shareholders

1. The Annual General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following matters:

- a. The Company's annual business plan;
- b. The audited annual Financial Statements;
- c. The Board of Directors' report on governance and performance of the Board of Directors and each member of the Board of Directors;
- d. The Supervisory Board's report on the Company's business results, the performance of the Board of Directors, and the General Director;
- đ. The self-assessment report on the performance of the Supervisory Board and each member of the Supervisory Board;
- e. The annual dividend rate for each type of share.

2. In addition to the contents stipulated in clause 1 of this Article, the Annual and Extraordinary General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following matters:

- a. Approval of the Company's development orientation;
- b. Decision on the type of shares and the total number of shares of each type to be offered for sale;
- c. Election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board;
- d. Decision on investment or sale of assets valued at 35% or more of the total asset value recorded in the Company's most recent Financial Statements;
- đ. Decision on amendments and supplements to the Company Charter;
- e. Decision on repurchasing more than 10% of the total number of shares sold of each type;
- g. Consideration and handling of violations by members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board causing damage to the Company and its shareholders;
- h. Decision on reorganization or dissolution of the Company;
- i. Decision on the budget or total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;
- k. Approval of the internal regulations on corporate governance, the operational regulations of the Board of Directors, and the operational regulations of the Supervisory Board;
- l. Approval of the list of independent auditing firms to audit the Company's Financial Statements; decision on the independent auditing firm to inspect the

Company's operations, and dismissal of the independent auditor when deemed necessary.

m. The execution of contracts and transactions with related parties as stipulated in Clause 4, Article 43 of this Charter;

n. Other rights and obligations as prescribed by law and this Charter.

3. All resolutions and matters included in the meeting agenda must be discussed and voted upon at the General Meeting of Shareholders.

Article 15. Authorized Representation

1. The authorized representative of a shareholder that is an organization.

a. A shareholder that is an organization must authorize an individual representative as follows:

- A shareholder owning up to less than 10% of the total shares may authorize one representative.

- A shareholder owning from 10% to less than 20% of the total shares may authorize up to two representatives.

- A shareholder owning from 20% to less than 30% of the total shares may authorize up to three representatives.

- A shareholder owning from 30% to less than 40% of the total shares may authorize up to four representatives.

- A shareholder owning from 40% to less than 50% of the total shares may authorize up to five representatives.

- A shareholder owning 50% or more of the total shares may authorize up to six representatives.

b. In the event that a shareholder is an organization appointing multiple authorized representatives, the specific number of shares for each representative must be determined. If the shareholder does not specify the corresponding number of shares for each authorized representative, the shares shall be equally divided among the authorized representatives.

c. The document appointing the authorized representative must be notified to the Company and shall only be effective for the Company from the date the Company receives the document. The document appointing the authorized representative must include the following essential contents:

- Name, enterprise code, and head office address of the shareholder;

- Number of authorized representatives and the corresponding shareholding ratio or capital contribution of each authorized representative;

- Full name, contact address, nationality, and legal identification documents of each authorized representative;

- The corresponding authorization term of each authorized representative, specifying the start date of representation;

- Full name and signature of the legal representative of the shareholder and of the authorized representative.

d. The authorized representative must meet the following standards and conditions:

- Not subject to the provisions of Clause 2, Article 17 of the Enterprise Law;

- A shareholder that is a state-owned enterprise as stipulated in Point b, Clause 1, Article 88 of the Enterprise Law shall not appoint a person with family relations to the enterprise's manager and the person authorized to appoint the enterprise's manager as an authorized representative at the Company.

2. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders

a. Shareholders, or authorized representatives of shareholders that are organizations, may directly attend the meeting or authorize one or more individuals or other organizations to attend the meeting or attend the meeting through one of the forms stipulated in Clause 3, Article 144 of the Enterprise Law.

b. The authorization for individuals or organizations to represent shareholders at the General Meeting of Shareholders, as stipulated in point a, clause 2 of this Article, must be made in writing. The authorization document must comply with civil law regulations and clearly state the name of the authorizing shareholder, the name of the authorized individual or organization, the number of shares authorized, the content of the authorization, the scope of the authorization, the duration of the authorization, and the signatures of both the authorizing party and the authorized party.

The authorized representative attending the General Meeting of Shareholders must present the authorization document upon registration for the meeting. In the case of re-authorization, the attendee must also present the original authorization document of the shareholder, or the authorized representative of the shareholder organization (if not previously registered with the Company).

c. The voting ballot of the authorized representative attending the meeting within the scope of the authorization remains valid in the following circumstances:

- The authorizing party has died, is restricted in civil act capacity, or has lost civil act capacity;

- The authorizing party has revoked the authorization appointment;

- The authorizing party has revoked the authority of the person executing the authorization.

This clause does not apply if the Company receives notification of any of the above events prior to the commencement of the General Meeting of Shareholders or before the meeting is reconvened.

Article 16. Convening, Agenda, and Notice of the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and Extraordinary General Meetings, or the General Meeting of Shareholders shall be convened extraordinarily under the circumstances stipulated in point b or point c, clause 4, Article 13 of this Charter.

2. The convener of the General Meeting of Shareholders must perform the following tasks:

a. Prepare the list of shareholders eligible to participate and vote at the General Meeting of Shareholders; The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be prepared no more than ten (10) days before the date of sending the Notice of Meeting of the General Meeting of Shareholders; The Company must disclose information about the preparation of the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders at least 20 days before the Final Registration Date;

b. Prepare the agenda and content of the General Meeting of Shareholders;

c. Prepare documents for the General Meeting of Shareholders;

d. Draft the resolutions of the General Meeting of Shareholders according to the anticipated content of the meeting;

đ. Determine the time and venue for the meeting;

e. Notify and send the Notice of Meeting of the General Meeting of Shareholders to all shareholders entitled to attend;

g. Other tasks serving the meeting.

3. The Notice of Meeting of the General Meeting of Shareholders shall be sent to all shareholders by a method ensuring delivery to the shareholder's contact address, and simultaneously published on the Company's website and the State Securities Commission, Stock Exchange. The convener of the General Meeting of Shareholders must send the Notice of Meeting to all shareholders on the Shareholder List entitled to attend the meeting no later than twenty-one (21) days before the meeting's commencement date (calculated from the date the notice is sent or properly dispatched). The agenda of the General Meeting of Shareholders and documents related to the issues to be voted on at the meeting shall be posted on the Company's website. The Notice of Meeting must specify the link to all meeting documents so that shareholders can access them, including:

a. Meeting agenda and documents used during the meeting;

b. List and detailed information of candidates in the event of the election of members to the Board of Directors and members of the Supervisory Board;

c. Voting Ballot;

d. Draft resolution for each matter on the meeting agenda.

4. Shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 11 of this Charter have the right to propose matters to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be in writing and sent to the Company no later than five (5) working days prior to the opening date of the General Meeting of Shareholders. The proposal must clearly state the name of the shareholder, the number of each type of shares held by the shareholder, and the issue proposed to be included in the meeting agenda.

5. The convener of the General Meeting of Shareholders has the right to refuse the proposal stipulated in Clause 4 of this Article if it falls under one of the following cases:

- a. The proposal was not sent in accordance with Clause 4 of this Article;
- b. At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not hold at least five (5) percent of the common shares as stipulated in Clause 2, Article 11 of this Charter;
- c. The proposed issue is not within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders;
- d. Other cases as stipulated by law and this Charter.

6. The convener of the General Meeting of Shareholders must accept and include the proposal stipulated in Clause 4 of this Article in the proposed agenda and content of the meeting, except in the cases stipulated in Clause 5 of this Article. The proposal shall be officially added to the agenda and content of the meeting if approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 17. Conditions for Conducting the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders shall be conducted when shareholders attending the meeting represent more than 50% of the total voting rights of the Company.

2. If within thirty (30) minutes from the scheduled opening time the meeting does not meet the conditions for proceeding as stipulated in Clause 1 of this Article, a second notice of meeting shall be sent within 30 days from the date of the first scheduled meeting. The second convened General Meeting of Shareholders shall be conducted when shareholders attending the meeting represent at least 33% of the total voting rights of the Company.

3. If within thirty (30) minutes from the scheduled opening time the second convened meeting does not meet the conditions for proceeding as stipulated in Clause 2 of this Article, a third notice of meeting must be sent within 20 days from the date of the second scheduled meeting. In this case, the General Meeting of Shareholders shall be conducted regardless of the total voting rights of the shareholders attending the meeting.

Article 18. Procedures for Conducting and Voting at the General Meeting of Shareholders

1. Prior to the opening of the meeting, the Company must carry out the registration procedures for shareholders attending the meeting and must continue the registration until all shareholders entitled to attend have registered.

2. Upon registration for the meeting, shareholders or their representatives shall be issued a voting card and a voting ballot, indicating the registration number, full name of the shareholder or the representative, and the number of voting rights of the shareholder. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each issue in the agenda. Voting shall be conducted by agreeing, disagreeing, or abstaining. During the voting process, shareholders shall raise their voting cards and mark the corresponding box on the voting ballot. After collecting and counting the votes, the total number of votes in favor, against, abstentions, or invalid votes for each issue shall be announced by the Chairman before the conclusion of the meeting.

3. Shareholders or authorized representatives arriving after the meeting has commenced shall still be registered and have the right to participate in voting immediately upon registration; in such cases, the validity of previously voted matters shall remain unchanged.

4. The election of the Chairman, Secretary, and Vote Counting Committee is stipulated as follows:

a. The Chairman of the Board of Directors shall preside or authorize another member of the Board of Directors to preside over the General Meeting of Shareholders convened by the Board of Directors. In the absence or temporary incapacity of the Chairman, the remaining members of the Board of Directors shall elect one among them to preside over the meeting by majority vote. If no Chairman is elected, the Head of the Supervisory Board shall facilitate the election of a Chairman from among the attendees, with the individual receiving the highest number of votes presiding over the meeting;

b. Except for point a of clause 4 of this Article, the individual signing the notice to convene the General Meeting of Shareholders shall facilitate the election of a Chairman, with the individual receiving the highest number of votes presiding over the meeting;

c. The Chairman shall appoint one or more individuals to serve as the Secretary of the meeting;

d. The General Meeting of Shareholders shall elect one or more individuals to the Vote Counting Committee as proposed by the Chairman of the meeting.

5. The agenda and content of the meeting must be approved by the General Meeting of Shareholders during the opening session. The agenda must clearly and specifically allocate time for each issue in the meeting content.

6. The convener or Chairman of the General Meeting of Shareholders shall have the right to take necessary and reasonable measures to organize and conduct the meeting in an orderly manner, in accordance with the approved agenda, and to reflect the wishes of the majority of attendees, including:

a. Requiring all attendees to undergo inspection or other lawful and reasonable security measures;

b. Requesting the competent authorities to maintain order during the meeting; expelling individuals who do not comply with the Chairman's authority, intentionally disrupt order, impede the normal progress of the meeting, or fail to comply with security inspection requirements from the General Meeting of Shareholders.

c. Arranging seating at the venue of the General Meeting of Shareholders;

d. Ensuring the safety of all individuals present at the meeting venues;

đ. Facilitating shareholders to attend (or continue to attend) the meeting.

7. The Chairman has the authority to postpone the General Meeting of Shareholders, which has sufficient registered attendees, for a maximum of three working days from the scheduled opening date, and may only postpone the meeting or change the meeting venue in the following circumstances:

a. The meeting venue does not have adequate seating for all attendees;

b. Communication facilities at the meeting venue do not ensure that shareholders can participate, discuss, and vote;

c. Attendees obstruct or disrupt order, posing a risk that the meeting cannot be conducted fairly and legally.

8. In the event that the Chairman postpones or suspends the General Meeting of Shareholders contrary to the provisions of Clause 7 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect another attendee to replace the Chairman to conduct the meeting until its conclusion; all resolutions passed at such meeting shall be effective.

9. The online General Meeting of Shareholders shall be conducted in accordance with the Company's internal governance regulations.

Article 19. Forms of Resolution Approval by the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders shall approve resolutions within its authority by voting at the meeting or by collecting written opinions.

2. Resolutions of the General Meeting of Shareholders on the following matters must be approved by voting at the General Meeting of Shareholders:

a. Approval of the audited annual financial statements;

b. Company's development orientation;

c. Election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors and the Supervisory Board.

d. Reorganization or dissolution of the Company.

Article 20. Conditions for Approval of Resolutions by the General Meeting of Shareholders

1. Resolutions of the General Meeting of Shareholders on the following contents shall be approved if at least 65% of the total voting shares of all attending and voting shareholders at the meeting are in favor:

- a. Type of shares and total number of each type of shares offered;
- b. Change of business lines and sectors;
- c. Change of management structure;
- d. Investment projects or sale of assets valued at 35% or more of the total asset value recorded in the Company's latest financial statements;
- d. Reorganization or dissolution of the Company.

2. Voting for the election of members of the Board of Directors and the Supervisory Board shall be conducted in accordance with Clause 3, Article 148 of the Enterprise Law and the Company's internal governance regulations.

3. Except for the cases specified in Clauses 1 and 2 of this Article, resolutions of the General Meeting of Shareholders on other matters shall be approved when more than 50% of the total voting shares of all attending and voting shareholders at the meeting are in favor.

4. Resolutions of the General Meeting of Shareholders approved by 100% of the total voting shares are legal and effective even if the procedures for convening the meeting and approving the resolution violate the provisions of the Enterprise Law and this Charter.

Article 21. Authority and Procedures for Collecting Written Opinions of Shareholders for Resolution Approval by the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors has the authority to collect written opinions of shareholders to approve resolutions of the General Meeting of Shareholders when deemed necessary for the benefit of the Company, except for the case specified in Clause 2, Article 19 of this Charter.

2. The Board of Directors shall prepare the voting ballots, draft resolutions of the General Meeting of Shareholders, and explanatory documents for the draft resolutions, and send them to all shareholders with voting rights no later than ten (10) days before the deadline for returning the voting ballots. The preparation of the shareholder list for sending the voting ballots shall be conducted in accordance with point a, clause 2, Article 16 of this Charter. The requirements and methods for sending the voting ballots and accompanying documents shall be carried out in accordance with clause 3, Article 16 of this Charter, except for the time requirement.

3. The voting ballot must contain the following essential contents:
 - a. Name, address of the head office, and company code;
 - b. Purpose of the opinion solicitation;

c. Full name, contact address, nationality, and legal document number for individual shareholders; name, enterprise code or legal document number of the organization, head office address for organizational shareholders, or full name, contact address, nationality, and legal document number for the representative of the organizational shareholder; number of shares of each type and voting rights of the shareholder;

d. Issues to be consulted for approval;

đ. Voting options including agree, disagree, and no opinion for each issue consulted;

e. Deadline for returning the answered voting ballots to the Company;

g. Full name and signature of the Chairman of the Board of Directors.

4. Shareholders may send the answered voting ballots to the Company by mail, fax, or email as per the following provisions:

a. In the case of mailing, the answered voting ballot must bear the signature of the individual shareholder, the authorized representative, or the legal representative of the organizational shareholder. The voting ballots sent to the Company must be sealed in an envelope and no one is authorized to open it before the vote counting;

b. In the case of sending by fax or email, the voting ballots sent to the Company must be kept confidential until the time of vote counting;

c. Voting ballots sent to the Company after the deadline specified in the content of voting ballots or opened in case of mailing and disclosed in case of fax or email are invalid. Voting ballots not sent back are considered non-participating in the vote.

5. The Board of Directors shall count the votes and prepare the Vote Counting Record under the supervision of the Supervisory Board or shareholders not holding managerial positions in the Company. The Vote Counting Record must contain the following essential contents:

a. Name, address of the head office, and company code;

b. Purpose and issues to be consulted for resolution approval;

c. Number of shareholders with the total number of voting ballots participating in the vote, distinguishing between valid voting ballots, invalid voting ballots, and the method of sending voting ballots, accompanied by an appendix of the list of shareholders participating in the vote;

d. Total number of votes in favor, against, and no opinion for each issue;

đ. Issues approved and the corresponding voting approval ratio;

e. Full name and signature of the Chairman of the Board of Directors, the vote counter, and the vote counting supervisor.

Members of the Board of Directors, vote counters, and vote supervisors shall jointly be responsible for the honesty and accuracy of the Vote Counting Record; they shall also be jointly liable for any damages arising from decisions passed due to dishonest or inaccurate vote counting.

6. The Vote Counting Record and resolutions must be disclosed on the Company's website within twenty-four (24) hours from the conclusion of the vote counting and information disclosure in accordance with securities market regulations.

7. The answered voting ballots, Vote Counting Record, full text of the resolutions passed, and related documents attached to the voting ballots must be retained at the Company's headquarters.

8. Resolutions on the following matters shall be passed by collecting shareholders' opinions in writing when shareholders holding at least 65% of the total voting rights of all shareholders entitled to vote agree:

- a. Type of shares and total number of each type of shares offered;
- b. Changes in business lines, industries, and fields;
- c. Changes in the management structure;
- d. Investment projects or sale of assets valued at 35% or more of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements;
- đ. Reorganization or dissolution of the Company;

9. Except for the matters stipulated in Clause 8 of this Article, resolutions on other matters passed by collecting shareholders' opinions in writing must be agreed upon by shareholders holding more than 50% of the total voting rights of all shareholders entitled to vote.

10. Resolutions passed by collecting shareholders' opinions in writing under this Article shall have the same validity as resolutions passed at the General Meeting of Shareholders.

Article 22. Resolutions, Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders must be recorded in minutes and may be audio-recorded or recorded and stored in other electronic forms. The minutes must be prepared in Vietnamese and contain the following main contents:

- a. Name, address of the headquarters, and company code;
- b. Time and venue of the General Meeting of Shareholders;
- c. Meeting Agenda and content of the meeting;
- d. Name of the Chairman and Secretary;
- đ. Summary of the meeting proceedings and opinions expressed at the General Meeting of Shareholders on each issue in the meeting agenda;

e. Number of shareholders and total number of voting rights of the shareholders attending the meeting, appendix of the registered shareholder list, shareholder representatives attending the meeting with corresponding shares and voting rights;

g. Total number of votes for each voting issue, specifying the voting method, total number of valid, invalid, in favor, against, and abstained votes; corresponding percentage of the total voting rights of the shareholders attending the meeting;

h. Issues approved and the corresponding voting approval ratio;

i. Name and signature of the Chairman and Secretary; In case the Chairman and Secretary refuse to sign the meeting minutes, the minutes shall be valid if signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and contain all the contents as stipulated in this clause; The meeting minutes shall clearly state the refusal of the Chairman and Secretary to sign the meeting minutes.

2. The Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and approved before the conclusion of the meeting. The Chairman and the meeting secretary or any other individual signing the Meeting Minutes shall bear joint responsibility for the truthfulness and accuracy of the content of the minutes.

3. The Resolution, Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders, all documents attached to the Minutes (if any), and related materials accompanying the Notice of Meeting must be published on the Company's website within twenty-four (24) hours from the conclusion of the meeting and disclosed in accordance with legal regulations on the securities market.

4. The Resolution, Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders, the appendix of the list of shareholders registered to attend the meeting with shareholder signatures, letters of authorization for meeting attendance, all documents attached to the Minutes (if any), and related materials accompanying the Notice of Meeting must be retained at the Company's headquarters.

Article 23. Request for Annulment of the Resolution of the General Meeting of Shareholders

Within ninety (90) days from the date of receipt of the resolution or Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders or the Vote Counting Record of the General Meeting of Shareholders, shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 11 of this Charter have the right to request the Court or Arbitration to consider and annul the resolution or part of the content of the resolution of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

1. The procedures for convening the meeting and making decisions of the General Meeting of Shareholders seriously violate the provisions of the Enterprise Law and this Charter, except as provided in Clause 4, Article 20 of this Charter.

2. The content of the resolution violates the law or this Charter.

CHAPTER VII. BOARD OF DIRECTORS

Article 24. Candidacy and Nomination for Members of the Board of Directors

1. In cases the candidates for the Board of Directors have been identified, the Company must disclose information related to the candidates at least ten (10) days before the opening of the General Meeting of Shareholders on the Company's website so that shareholders can learn about these candidates before voting. Candidates for the Board of Directors must provide a written commitment regarding the truthfulness and accuracy of the personal information disclosed, family relationships as stipulated in Clause 22, Article 4 of the Enterprise Law and must commit to performing their duties honestly, diligently, and in the best interests of the Company if elected as members of the Board of Directors. Information related to candidates for the Board of Directors to be disclosed includes:

- a. Full name, date, month, year of birth;
- b. Professional qualifications;
- c. Work experience;
- d. Other managerial titles (including titles on the Board of Directors/Members' Council of other companies);
- e. Interests related to the Company and the Company's related parties;
- f. Information about companies where the candidate holds the position of member of the Board of Directors/Members' Council, other managerial titles, and interests related to the candidate's company (if any).

2. Shareholders have the right to aggregate their voting rights to nominate candidates for the Board of Directors. Shareholders or groups of shareholders holding from 10% to less than 20% of the total voting shares may nominate one (01) candidate; from 20% to less than 30% may nominate up to two (02) candidates; from 30% to less than 40% may nominate up to three (03) candidates; from 40% to less than 50% may nominate up to four (04) candidates; from 50% or more may nominate up to five (05) candidates.

3. In the event that the number of candidates for the Board of Directors through nomination and candidacy is still insufficient as required by Clause 1, Article 25 of this Charter, the incumbent Board of Directors shall introduce additional candidates. The introduction of additional candidates by the incumbent Board of Directors must be clearly disclosed prior to the General Meeting of Shareholders voting to elect members of the Board of Directors.

4. Members of the Board of Directors must meet the following standards and conditions:

- a. Not be subject to the provisions of Clause 2, Article 17 of the Enterprise Law;

b. Possess professional qualifications and experience in business management or in the Company's business sector, and need not necessarily be a shareholder of the company;

c. May concurrently serve as a member of the Board of Directors or the Members' Council at a maximum of five (05) other companies;

d. Must not be a family member of:

- The General Director and other managers of the Company;

- Managers or persons authorized to appoint managers of the parent company;

Article 25. Composition and Term of the Board of Directors

1. The number of members of the Board of Directors shall be five (05).

2. The term of a member of the Board of Directors shall not exceed five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms. In the event that all members of the Board of Directors simultaneously end their term, those members shall continue to serve as members of the Board of Directors until new members are elected and assume their duties.

3. The structure of the Board of Directors must ensure that at least one (01) member of the Board of Directors is a non-executive member.

4. Dismissal, removal, replacement, and supplementation of members of the Board of Directors:

a. The General Meeting of Shareholders shall dismiss a member of the Board of Directors if that member does not meet the standards and conditions as per Clause 4, Article 24 of this Charter or submits a resignation that is accepted.

b. The General Meeting of Shareholders shall remove a member of the Board of Directors if that member does not participate in the activities of the Board of Directors for six (06) consecutive months, except for the cases of force majeure.

c. When deemed necessary, the General Meeting of Shareholders shall decide to replace a member of the Board of Directors, dismiss, or remove a member of the Board of Directors outside the cases specified in points a and b of Clause 4 of this Article.

d. The Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders to elect additional members of the Board of Directors when the number of members of the Board of Directors decreases by more than one-third (1/3) compared to the number of members stipulated in this Charter. In this case, the Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders within sixty (60) days from the date the number of members reduces by more than one-third (1/3).

đ. Except for the case specified in point d of this Clause, the General Meeting of Shareholders shall elect new members to replace the dismissed or removed members of the Board of Directors at the nearest meeting.

Article 26. Powers and Duties of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the management body of the Company, vested with full authority to act on behalf of the Company to decide, execute the rights and obligations of the Company, except for the rights and obligations of the General Meeting of Shareholders.

2. The rights and obligations of the Board of Directors are stipulated by law, this Charter, and the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors shall have the following powers and duties:

a. To decide on the strategy, medium-term development plan, and annual business plan of the Company;

b. To propose the types of shares and the total number of shares authorized for each type to be offered;

c. To decide on the sale of unsold shares within the authorized number of shares to be offered for each type; to decide on raising additional capital through other forms;

d. To decide on the sale price of shares and bonds of the Company;

đ. To decide on the repurchase of shares as stipulated in Clauses 1 and 2, Article 133 of the Enterprise Law;

e. To decide on investment plans and investment projects within the authority and limits prescribed by law;

g. To decide on solutions for market development, marketing, and technology;

h. To approve contracts for purchase, sale, borrowing, lending, and other transactions with a value equal to or greater than 50% of the Company's charter capital, except for contracts and transactions under the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders as stipulated in Point d, Clause 2, Article 14, and Clause 4, Article 43 of this Charter;

i. To elect, dismiss, and remove the Chairman of the Board of Directors; to appoint, dismiss, sign contracts, terminate contracts, decide on salaries, bonuses, and other benefits of the General Director and other executives; to appoint representatives of the Company's capital in other enterprises, and to decide on bonuses and other benefits for these individuals;

k. To supervise and direct the General Director and other executives in managing the Company's daily business operations;

l. To decide on the organizational structure of the Company except for the management structure stipulated in Article 10 of this Charter; to decide on the Company's internal management regulations except for regulations under the authority of the General Meeting of Shareholders; to decide on the establishment of subsidiaries, branches, representative offices; to decide on capital contribution, share purchase of other enterprises;

m. To approve the agenda, content, and documents for the General Meeting of Shareholders, to convene the General Meeting of Shareholders or to collect opinions for the General Meeting of Shareholders to approve resolutions;

n. To submit the audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;

o. To propose the dividend payment ratio; to decide on the timing and procedures for dividend payment or to handle losses arising during business operations;

p. To propose the reorganization, dissolution of the Company; to request the bankruptcy of the Company;

q. To decide on the issuance of the Board of Directors' Operating Regulations, Internal Regulations on Corporate Governance after being approved by the General Meeting of Shareholders;

r. To organize training and workshops on corporate governance and necessary skills for members of the Board of Directors, the General Director, the Corporate Governance Officer, and other managers of the company.

s. To execute the payment of dividends to shareholders in accordance with the law after being approved by the Annual General Meeting of Shareholders.

t. Other rights and obligations as prescribed by law and this Charter.

3. The Board of Directors must report to the General Meeting of Shareholders on the performance of the Board of Directors pursuant to Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government.

Article 27. Remuneration, Salaries, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors

1. The Company is entitled to pay salaries, remuneration, and bonuses to members of the Board of Directors based on business results and efficiency.

2. Non-executive members of the Board of Directors shall receive remuneration from the non-executive management remuneration fund as determined by the General Meeting of Shareholders.

3. The full-time Chairman of the Board of Directors shall be paid a salary. The salary of the full-time Chairman of the Board of Directors is proposed by the Board of Directors and decided by the General Meeting of Shareholders.

4. Members of the Board of Directors are entitled to bonuses in accordance with the Company's Regulations on Salaries, Bonuses, and Remuneration. The bonus amounts for the Chairman and each member of the Board of Directors, as provisionally paid during the year, are approved by the Board of Directors and shall be submitted to the nearest Annual General Meeting of Shareholders for approval.

5. The salary of the Chairman of the Board of Directors and the remuneration of each member of the Board of Directors shall be recorded as business expenses of the Company in accordance with the provisions of the law on corporate income tax,

presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

6. Members of the Board of Directors holding executive positions or members working in committees of the Board of Directors or performing tasks beyond the usual duties of a member of the Board of Directors may receive additional remuneration in the form of a lump sum payment per occurrence, salary, commission, profit percentage, or other forms as decided by the Board of Directors.

7. Members of the Board of Directors are entitled to reimbursement for all travel, accommodation, and other reasonable expenses incurred in the discharge of their duties as members of the Board of Directors, including expenses incurred in attending meetings of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors or its committees.

Article 28. Chairman of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors is elected, dismissed, or removed from office by the Board of Directors from among its members.

2. The Chairman of the Board of Directors shall not concurrently hold the position of General Director.

3. The Chairman of the Board of Directors has the following rights and obligations:

- a. Develop the program and operational plan of the Board of Directors;
- b. Prepare the agenda, content, and materials for meetings; convene, preside over, and chair meetings of the Board of Directors;
- c. Organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;
- d. Supervise the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;
- e. Chair meetings of the General Meeting of Shareholders;
- f. Other rights and obligations as prescribed by the Enterprise Law and this Charter.

4. In the event that the Chairman of the Board of Directors resigns or is dismissed or removed from office, the Board of Directors must elect a replacement within ten (10) days from the date of receipt of the resignation or dismissal or removal.

5. In the event that the Chairman of the Board of Directors is absent or unable to fulfill their duties, they must authorize another member in writing to perform the rights and obligations of the Chairman. If there is no authorized representative or if the Chairman is deceased, missing, detained, serving a prison sentence, undergoing administrative measures at a compulsory rehabilitation center, compulsory education center, absconding, restricted or incapacitated, experiencing cognitive or behavioral difficulties, or prohibited by the Court from holding a position, practicing

a profession, or performing certain work, the remaining members shall elect one among them to hold the position of Chairman of the Board of Directors by majority vote until a new decision is made by the Board of Directors.

Article 29. Meetings of the Board of Directors

1. The first meeting of the term of the Board of Directors to elect the Chairman must be conducted within seven (7) working days from the conclusion of the election of the Board of Directors for that term. This meeting is convened by the member with the highest number of votes. In the event of more than one (1) member having the highest equal number of votes, the members shall elect by majority vote to select one (1) among them to convene the meeting of the Board of Directors.

2. The Board of Directors must meet at least once per quarter and may hold extraordinary meetings.

3. The Chairman of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:

- a. Upon request of the Supervisory Board;
- b. Upon request of the General Director or at least five other managers;
- c. Upon request of at least two members of the Board of Directors.

4. The request stipulated in Clause 3 of this Article must be made in writing, clearly stating the purpose, issues to be discussed, and decisions within the authority of the Board of Directors.

5. The Chairman of the Board of Directors must convene a meeting of the Board of Directors within seven (7) working days from the date of receiving the request stipulated in Clause 3 of this Article. If the meeting is not convened as requested, the Chairman of the Board of Directors shall be liable for any damages incurred by the Company; the requester has the right to replace the Chairman of the Board of Directors to convene the meeting of the Board of Directors.

6. The Chairman of the Board of Directors or the person convening the meeting must send the notice of meeting no later than three (3) working days before the meeting date. The notice of meeting must specify the time and place of the meeting, agenda, issues for discussion, and decisions. The notice of meeting must be accompanied by documents to be used at the meeting and the voting ballot of the member. The notice of meeting of the Board of Directors may be sent by invitation letter, phone message, email, fax, or other electronic means ensuring delivery to the contact address of each member of the Board of Directors registered with the Company.

7. The Chairman of the Board of Directors or the person convening the meeting shall send the notice of meeting and accompanying documents to the members of the Supervisory Board as to the members of the Board of Directors.

Members of the Supervisory Board have the right to attend meetings of the Board of Directors; they have the right to discuss but not to vote.

8. A meeting of the Board of Directors shall be conducted when at least three-fourths (3/4) of the total members are present. If the meeting convened under this provision does not meet the required number of attendees, it shall be reconvened within seven (7) days from the date initially scheduled. In this case, the meeting shall proceed if more than half of the Board of Directors members are present.

9. A member of the Board of Directors shall be considered as attending and voting at the meeting in the following cases:

- a. Attending and voting directly at the meeting;
- b. Authorizing another person to attend and vote as stipulated in Clause 11 of this Article;
- c. Attending and voting via online conference, electronic voting, or other electronic forms;
- d. Sending a voting ballot to the meeting via mail, fax, or email;

10. In the case of sending a voting ballot to the meeting via mail, the voting ballot must be sealed in an envelope and delivered to the Chairman of the Board of Directors no later than one hour before the commencement. The voting ballot shall only be opened in the presence of all attendees.

11. Members must attend all meetings of the Board of Directors. A member may authorize another person to attend and vote if approved by the majority of the Board of Directors members.

12. The Board of Directors shall pass resolutions and decisions by voting at the meeting or by collecting written opinions. Each member of the Board of Directors shall have one vote. Resolutions and decisions of the Board of Directors shall be passed if approved by the majority of members; in the event of a tie, the final decision shall rest with the opinion of the Chairman of the Board of Directors.

Article 30. Corporate Governance Officer

1. The Board of Directors must appoint at least one Corporate Governance Officer to support governance activities at the Company. The Corporate Governance Officer may concurrently serve as the Company Secretary as stipulated in Clause 5, Article 156 of the Enterprise Law.

2. The Corporate Governance Officer shall not concurrently work for the auditing organization auditing the Company's financial statements.

3. The Corporate Governance Officer shall have the following rights and obligations:

- a. Advising the Board of Directors on organizing the General Meeting of Shareholders in accordance with regulations and matters related to the Company and shareholders;
- b. Preparing meetings of the Board of Directors, Supervisory Board, and General Meeting of Shareholders as requested by the Board of Directors or Supervisory Board;
- c. Advising on the procedures of company meetings;
- d. Attending meetings (if required);
- e. Advising on the procedures for drafting resolutions of the Board of Directors in compliance with legal regulations;
- f. Providing financial information, copies of the Board of Directors meeting minutes, and other information to members of the Board of Directors and Supervisory Board members;
- g. Monitoring and reporting to the Board of Directors on the Company's information disclosure activities;
- h. Serving as the liaison with stakeholders;
- i. Maintaining confidentiality of information in accordance with legal regulations and this Charter.

CHAPTER VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 31. Organization of the Management Apparatus

The Company's management system must ensure that the management apparatus is accountable to the Board of Directors and is subject to the supervision and direction of the Board of Directors in the Company's daily business operations. The Company has a General Director and other executives. The appointment, dismissal, and removal of executive positions must be approved by resolutions or decisions of the Board of Directors.

Article 32. Company Executives

1. Based on the proposal of the General Director and with the approval of the Board of Directors, the Company may recruit other executives in a number and with qualifications suitable to the Company's structure and management regulations as prescribed by the Board of Directors. Company executives are responsible for assisting the Company in achieving its set objectives in operations and organization.

2. The General Director is entitled to salary and bonuses. The salary and bonuses of the General Director are determined by the Board of Directors.

3. The salary of executives is recorded as a business expense of the Company in accordance with the provisions of the law on corporate income tax, is presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and must be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

Article 33. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the General Director

1. The Board of Directors appoints a member of the Board of Directors or another person as the General Director.

2. The General Director is the person who manages the Company's daily business operations; is subject to the supervision of the Board of Directors; and is accountable to the Board of Directors and the law for the exercise of assigned rights and obligations.

3. The term of the General Director is five (5) years and may be reappointed for an unlimited number of terms.

4. The General Director must meet the following standards and conditions:

a. Not falling under the subjects specified in Clause 2, Article 17 of the Enterprise Law;

b. Not being a related person as defined in Point d, Clause 46, Article 4 of the Securities Law of:

- Managers, members of the Supervisory Board of the parent company;

- Managers, members of the Supervisory Board of the Company;

- Representatives of state capital at the parent company;

- Representatives of the parent company's capital at the Company.

c) Having professional qualifications and experience in the business management of the company.

5. The General Director has the following rights and obligations:

a. Deciding on matters related to the Company's daily business operations that do not fall under the authority of the Board of Directors;

b. Organizing the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders;

c. Organizing the implementation of the Company's business plans and investment projects;

d. Proposing organizational structure plans, internal management regulations of the Company; Proposing to the Board of Directors the recruitment, appointment, and contracting with executives in a number and with qualifications suitable to the Company's structure and management regulations.

e. Appointing, dismissing, and removing Heads and Deputy Heads of departments, divisions of the Company, Directors and Deputy Directors of branches, directors and deputy directors of affiliated units except for positions under the authority of the Board of Directors;

f. Deciding on salaries and other benefits for employees in the Company, including managers under the appointment authority of the General Director;

- g. Recruiting labor;
- h. Proposal for dividend distribution or handling of business losses;
- i. Other rights and obligations as prescribed by law, this Charter, and resolutions and decisions of the Board of Directors.

6. The Board of Directors may dismiss the General Director when a majority of the Board members with voting rights present at the meeting agree, and appoint a new General Director as a replacement.

CHAPTER IX. SUPERVISORY BOARD

Article 34. Nomination and Candidacy for Members of the Supervisory Board

1. The identification of candidates for the Supervisory Board and information disclosure shall be conducted similarly to the provisions of Clause 1, Article 24 of this Charter.

2. Shareholders have the right to aggregate their voting rights to nominate candidates for the Supervisory Board. Shareholders or groups of shareholders holding from 10% to less than 25% of the total voting shares may nominate one (01) candidate; from 25% to less than 50% may nominate up to two (02) candidates; from 50% or more may nominate up to three (03) candidates.

3. In the event that the number of candidates for the Supervisory Board through nomination and candidacy is insufficient, the incumbent Supervisory Board may nominate additional candidates. The nomination of additional candidates by the incumbent Supervisory Board must be clearly announced before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Supervisory Board.

4. Members of the Supervisory Board must meet the following standards and conditions:

a. Not falling under the subjects specified in Clause 2, Article 17 of the Enterprise Law;

b. Trained in one of the fields of economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a field relevant to the business operations of the enterprise;

c. Not having family relations with:

- Members of the Board of Directors, the General Director, and other managers of the parent company;

- Members of the Board of Directors, the General Director, and other managers of the Company;

- Representatives of state capital at the parent company;

- Representatives of the parent company's capital at the Company.

d. Not being a manager of the Company; not necessarily a shareholder or employee of the Company;

d. Not working in the accounting or finance department of the Company;

e. Not being a member or employee of the independent auditing firm auditing the Company's financial statements in the preceding three years.

Article 35. Composition and Term of the Supervisory Board

1. The number of members of the Supervisory Board is three (3). The term of a Member of the Supervisory Board shall not exceed five (5) years and may be re-elected for an unlimited number of terms.

2. Members of the Supervisory Board shall be dismissed in the following cases:

a. No longer meeting the standards and conditions for being a member of the Supervisory Board as stipulated in Clause 4, Article 34 of this Charter;

b. Submission of a resignation letter and acceptance thereof;

3. Members of the Supervisory Board shall be dismissed in the following cases:

a. Failure to complete assigned tasks and duties;

b. Failure to exercise their rights and obligations for six (6) consecutive months, except in cases of force majeure;

c. Repeated or serious violations of the obligations of a member of the Supervisory Board as prescribed by the Enterprise Law and this Charter.

d. Other cases as per the resolution of the General Meeting of Shareholders.

Article 36. Head of the Supervisory Board

1. The Head of the Supervisory Board shall be elected by the Supervisory Board from among its members; the election, dismissal, and removal shall be based on the majority principle. The Supervisory Board must have more than half of its members residing in Vietnam. The Head of the Supervisory Board must hold a university degree or higher in one of the fields of economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a discipline related to the Company's business activities.

2. Rights and obligations of the Head of the Supervisory Board:

a. Convene meetings of the Supervisory Board;

b. Request the Board of Directors, General Director, and other executives to provide relevant information for reporting to the Supervisory Board;

c. Prepare and sign the report of the Supervisory Board after consulting with the Board of Directors to submit to the General Meeting of Shareholders.

Article 37. Rights and Obligations of the Supervisory Board

The Supervisory Board shall have the following rights and obligations:

1. Supervise the Board of Directors, General Director, and other executives in managing and operating the company; monitor the Company's financial situation; be accountable to shareholders for its supervisory activities;
2. Examine the reasonableness, legality, honesty, and prudence in the management and operation of business activities; the systematic, consistent, and appropriate nature of accounting, statistics, and financial reporting;
3. Appraise the completeness, legality, and honesty of the business situation report, annual and semi-annual financial statements of the Company, evaluate the management activities of the Board of Directors, and present the appraisal report at the annual General Meeting of Shareholders; Review and make recommendations on contracts and transactions with related parties under the approval authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders;
4. Review, inspect, and evaluate the effectiveness and efficiency of the Company's internal control system, internal audit, risk management, and early warning systems;
5. Examine the accounting books, accounting records, and other documents of the Company, as well as the management and operation activities of the Company when deemed necessary or as per the resolution of the General Meeting of Shareholders or at the request of shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 11 of this Charter;
6. Conduct inspections within seven working days from the date of receipt of the request from shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 11 of this Charter; Within fifteen days from the conclusion of the inspection, report to the Board of Directors and the requesting shareholders or groups of shareholders on the matters requested for inspection; The inspection stipulated in this clause shall not neither obstruct the normal activities of the Board of Directors, nor disrupt the business operations of the Company;
7. Recommend to the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders measures to amend, supplement, and improve the organizational structure for management, supervision, and operation of the Company's business activities;
8. Upon discovering any legal violations or breaches of this Charter by members of the Board of Directors, the General Director, or other executives, the Supervisory Board must notify the Board of Directors in writing within forty-eight hours, request the violator to cease the violation, and propose solutions to remedy the consequences;
9. Attend and participate in discussions at meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and other meetings of the Company.
10. Utilize independent consultants and the Company's internal audit department to perform assigned tasks;
11. May consult the Board of Directors before submitting reports, conclusions, and recommendations to the General Meeting of Shareholders;

12. Propose and recommend that the General Meeting of Shareholders approve the list of independent auditing firms to audit the Company's Financial Statements; Propose that the Board of Directors appoint an independent auditing firm to inspect the Company's operations and dismiss independent auditors when deemed necessary;

13. Ensure coordination with the Board of Directors, the General Director, and shareholders;

14. Develop and issue the Regulations on the Operations of the Supervisory Board after approval by the General Meeting of Shareholders;

15. Report at the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 290 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government;

16. Have the right to access the Company's records and documents stored at the headquarters, branches, and other locations; have the right to visit the workplaces of the Company's managers and employees during working hours;

17. Have the right to request the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, and other managers to provide complete, accurate, and timely information and documents regarding the management, administration, and business operations of the Company;

18. Other rights and obligations as prescribed by law and this Charter.

Article 38. Meetings of the Supervisory Board

1. The Supervisory Board must meet at least twice a year, with at least two-thirds (2/3) of the Supervisory Board members attending. The Meeting Minutes of the Supervisory Board must be detailed and clear. The recorder and attending members of the Supervisory Board must sign the meeting minutes. The meeting minutes of the Supervisory Board must be retained to determine the responsibility of each Supervisory Board member.

2. The Supervisory Board has the right to request members of the Board of Directors, the General Director, and representatives of the independent auditing organization to attend and address issues that need clarification.

Article 39. Salaries, Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Supervisory Board Members

1. Non-executive members of the Supervisory Board shall receive remuneration from the non-executive management remuneration fund as decided by the General Meeting of Shareholders. The annual operating budget of the Supervisory Board is determined by the General Meeting of Shareholders.

2. The full-time Head of the Supervisory Board shall be paid a salary as determined by the General Meeting of Shareholders.

3. Members of the Supervisory Board are entitled to bonuses in accordance with the Company's Regulations on Salaries, Bonuses, and Remuneration. The bonus amounts for the Head and each member of the Supervisory Board, as provisionally paid during the year, are approved by the Board of Directors and shall be submitted to the nearest Annual General Meeting of Shareholders for approval.

4. Members of the Supervisory Board shall be reimbursed for expenses related to meals, accommodation, travel, and the use of independent consulting services within the annual operating budget of the Supervisory Board approved by the General Meeting of Shareholders.

5. Salaries and operating expenses of the Supervisory Board shall be accounted for as business expenses of the Company in accordance with the law on corporate income tax and other relevant legal regulations and must be itemized separately in the Company's annual financial statements.

CHAPTER X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE GENERAL DIRECTOR, AND OTHER EXECUTIVES

Article 40. Duty of Care

Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other executives are obligated to perform their duties with honesty and diligence for the benefit of the Company.

Article 41. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest

1. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other executives must disclose any related interests in accordance with the Enterprise Law and relevant legal documents.

2. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other executives, and their related persons may only use the information obtained through their positions to serve the interests of the Company.

3. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other executives are obliged to notify the Board of Directors and the Supervisory Board in writing about transactions between them and their related persons with the Company or its subsidiaries as prescribed by law. The Company must disclose information in accordance with securities law regarding resolutions of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors approving these transactions.

4. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other managers, and their related persons are prohibited from using or disclosing internal information to others to conduct related transactions.

Article 42. Disclosure of Related Interests

The disclosure of interests and related persons of the Company shall be conducted as follows:

1. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other managers of the Company must declare to the Company their related interests, including:

a. The name, business registration number, head office address, and business sector of the enterprise in which they hold capital contributions or shares; the percentage and timing of ownership of such capital contributions or shares;

b. The name, business registration number, head office address, and business sector of the enterprise in which their related persons jointly or individually hold capital contributions or shares exceeding 10% of the charter capital.

2. The declaration stipulated in Clause 1 of this Article must be made within seven working days from the date the related interest arises; any amendments or supplements must be notified to the Company within seven working days from the date of such amendments or supplements.

3. Members of the Board of Directors and the General Director, acting in their personal capacity or on behalf of others, must explain the nature and content of any work performed within the scope of the Company's business to the Board of Directors and the Supervisory Board and may only proceed with the majority approval of the remaining members of the Board of Directors; if conducted without disclosure or approval from the Board of Directors, all income derived from such activities shall belong to the Company.

Article 43. Contracts and Transactions with Related Persons

1. The Company is prohibited from providing loans or guarantees to all shareholders and related persons of the shareholders.

2. The Company shall not provide loans or guarantees to any of its managers and their related parties.

3. The General Meeting of Shareholders or the Board of Directors shall approve contracts and transactions between the Company and the following parties:

a. Shareholders, authorized representatives of institutional shareholders holding more than 10% of the total common shares of the Company, and their related parties;

b. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and their related parties;

c. Enterprises in which members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other managers of the Company must declare interests as stipulated in Clause 1, Article 42 of this Charter.

4. The following contracts and transactions must be approved by the General Meeting of Shareholders:

a. Contracts and transactions as stipulated in Clause 3 of this Article with a value of 35% or more, or transactions leading to a total transaction value arising within 12 months from the first transaction date with a value of 35% or more of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements;

b. Contracts and transactions involving loans, lending, or asset sales with a value greater than 10% of the total asset value recorded in the Company's most recent

financial statements between the Company and shareholders holding 51% or more of the total voting shares or their related parties;

In the event of approval of contracts and transactions as stipulated in this clause, the Company representative signing the contract or transaction must notify the Board of Directors and members of the Supervisory Board about the related parties concerning the contract or transaction and attach the draft contract or notify the main contents of the transaction. The Board of Directors shall present the draft contract, transaction, or explanation of the main contents of the contract or transaction at the General Meeting of Shareholders or collect shareholder opinions in writing. In these cases, shareholders shall not have the right to vote on contracts or transactions in which they have a related interest.

5. The following contracts and transactions must be approved by the Board of Directors:

a. Contracts and transactions at Point a, Clause 4 of this Article with a value less than 35% of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements;

b. Contracts and transactions at Point b, Clause 4 of this Article with a value less than or equal to 10% of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements;

In the event of approval of contracts and transactions as stipulated in this clause, the Company representative signing the contract or transaction must notify members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board about the related parties concerning the contract or transaction and attach the draft contract or the main contents of the transaction. The Board of Directors shall decide on the approval of the contract or transaction within 7 days from the date of receiving the notification. Members of the Board of Directors shall not have the right to vote on contracts or transactions in which they or their related parties have a related interest.

Article 44. Liability for Damages and Compensation

1. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other executives who violate their duties, responsibilities of honesty and prudence, or fail to fulfill their obligations shall be liable for damages caused by their violations.

2. The Company shall indemnify individuals who have been, are, or may become parties to claims, lawsuits, or prosecutions (including civil and administrative cases, excluding cases initiated by the Company) if such individuals have been or are members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other executives, employees, or authorized representatives of the Company, or have acted on behalf of the Company, provided they acted honestly, prudently, in the interest of the Company, in compliance with the law, and there is no evidence confirming that they breached their duties.

3. Indemnification costs shall include judgment costs, fines, and actual expenses incurred (including attorney fees) in resolving these matters within the framework of the law. The Company may purchase insurance for these individuals to mitigate the aforementioned indemnification liabilities.

CHAPTER XI. RIGHT TO INSPECT BOOKS AND RECORDS

Article 45. Right to Inspect Books and Records

1. Common shareholders shall have the right to inspect books and records in accordance with the provisions of point d, point e, clause 1, Article 11, and point b, clause 2, Article 11 of this Charter.

2. In cases where an authorized representative of a shareholder or group of shareholders requests to inspect books and records, such request must be accompanied by a letter of authorization from the shareholder or group of shareholders represented, or a notarized copy of such letter of authorization.

3. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other executives shall have the right to inspect the Company's shareholder register, shareholder list, books, and other records for purposes related to their positions, provided that such information is kept confidential.

4. The Company must retain this Charter and any amendments thereto, the Enterprise Registration Certificate, regulations, documents proving asset ownership, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Supervisory Board, annual financial statements, accounting books, and other documents as prescribed by law at the head office or another location, provided that shareholders and the Business Registration Authority are informed of the storage location of these documents.

5. This Charter must be published on the Company's website.

CHAPTER XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 46. Employees and Trade Union

1. The General Director shall prepare a plan for the Board of Directors to approve policies on matters related to the recruitment, dismissal, salaries, social insurance, benefits, rewards, and discipline of employees and executives of the Company.

2. The General Director shall submit to the Board of Directors for approval policies on the Company's relations with trade union organizations in accordance with the Trade Union Law, the Trade Union Charter, and current legal regulations.

CHAPTER XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Article 47. Profit Distribution

1. After offsetting any previous years' losses (if any), the Company shall allocate funds from post-tax profits to the Development Investment Fund, Reward and Welfare Fund, Bonus Fund for relevant individuals and units, Community Social Work Fund, and other funds if approved by the General Meeting of Shareholders.

2. The General Meeting of Shareholders shall determine the dividend payment ratio and the form of annual dividend payment from the Company's retained earnings.

3. The Company shall not pay interest on dividend payments or payments related to any class of shares.

4. The Board of Directors may propose that the General Meeting of Shareholders approve the payment of dividends in whole or in part in the form of shares, and the Board of Directors shall execute this decision.

5. The Board of Directors may decide on interim dividend payments within the scope of the plan approved by the General Meeting of Shareholders if it deems such payments consistent with the Company's profitability.

6. In cases where dividends or other amounts related to a class of shares are paid in cash, the Company must pay in Vietnamese Dong. Payments can be made directly or through banks based on the bank account details provided by the shareholders. If the Company has transferred funds according to the bank details provided by the shareholder and the shareholder does not receive the money, the Company shall not be liable for the funds transferred to that shareholder. Dividend payments for shares may be conducted through a securities company or the Vietnam Securities Depository.

7. Pursuant to the Enterprise Law and Securities Law, the Board of Directors shall pass a resolution to determine a specific date to finalize the shareholder list. Based on this date, those registered as shareholders or holders of other securities shall be entitled to receive dividends in cash or shares, and receive notices or other documents.

8. Principles for handling business losses:

In the event of a financial year-end loss, the Board of Directors must propose to the General Meeting of Shareholders to handle it according to the following two options:

a. Carry forward the loss to the following year in accordance with current regulations, while the General Meeting of Shareholders must decide on measures to remedy the situation.

b. In the event that the Company suffers prolonged business losses without resolution, the General Meeting of Shareholders shall consider and decide on measures to address the situation in accordance with the Bankruptcy Law.

9. Other issues related to profit distribution shall be carried out in accordance with the law.

CHAPTER XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME

Article 48. Bank Accounts

1. The Company shall open accounts at Vietnamese banks or foreign banks permitted to operate in Vietnam.

2. With prior approval from the competent authority, if necessary, the Company may open bank accounts abroad in accordance with legal regulations.

Article 49. Fiscal Year

The Company's fiscal year shall commence on the first day of January each year and conclude on December 31. The first fiscal year shall begin on the date of issuance of the Enterprise Registration Certificate and end on the following December 31.

Article 50. Accounting Regime

1. The accounting regime utilized by the Company shall be either the enterprise accounting regime or a specific accounting regime issued and approved by the competent authority.

2. The Company shall maintain accounting records in Vietnamese and retain accounting documentation in accordance with the legal provisions on accounting and related laws. These records must be accurate, up-to-date, systematic, and sufficient to substantiate and explain the Company's transactions.

3. The currency used in the Company's accounting shall be the Vietnamese Dong.

CHAPTER XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE RESPONSIBILITIES

Article 51. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements

1. The Company is required to prepare annual financial statements in accordance with legal regulations, and these annual financial statements must be audited as stipulated in Article 53 of this Charter. The Company shall disclose the audited annual financial statements in compliance with securities law and submit them to the competent state authority.

2. The annual financial statements must include all reports, appendices, and explanatory notes as required by enterprise accounting law. The annual financial statements must accurately and objectively reflect the Company's operational status.

3. The Company must prepare and disclose reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with securities market regulations and submit them to the competent state authority.

Article 52. Annual Report

The Company is required to prepare and disclose the Annual Report in accordance with the legal provisions on securities.

CHAPTER XVI. AUDIT

Article 53. Audit

1. The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing organization or approve a list of independent auditing organizations and authorize the Board of Directors to select one of these organizations to audit the Company's Financial Statements.

2. The audit report shall be attached to the Company's annual financial statements.

3. The independent auditor conducting the audit of the Company's financial statements shall be entitled to attend the General Meeting of Shareholders and receive notifications and other information related to the General Meeting of Shareholders and shall have the right to express opinions at the meeting on matters related to the audit of the Company's financial statements.

CHAPTER XVII. COMPANY SEAL

Article 54. Company Seal

1. The Company Seal includes a seal made at a seal engraving facility or a seal in the form of a digital signature in accordance with the legal provisions on electronic transactions.

2. The Board of Directors shall decide on the type, quantity, form, and content of the seal of the Company, its branches, and representative offices (if any).

3. The Board of Directors and the General Director shall use and manage the seal in accordance with current legal regulations.

CHAPTER XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY

Article 55. Dissolution of the Company

1. The Company may be dissolved in the following cases:

a. Dissolution pursuant to a resolution or decision of the General Meeting of Shareholders;

b. Revocation of the Enterprise Registration Certificate, except as otherwise provided by the Tax Administration Law;

c. Other cases as prescribed by law.

2. The dissolution of the Company is decided by the General Meeting of Shareholders and executed by the Board of Directors. This dissolution decision must

be notified or approved by the competent authority (if required) in accordance with regulations.

3. Procedures for the dissolution of the Company

The dissolution of the Company as stipulated in Clause 1 of this Article shall be conducted as follows:

a. The General Meeting of Shareholders approves the resolution and decision to dissolve the Company. In the event of dissolution due to the revocation of the Enterprise Registration Certificate or by court decision, within ten days from the date of receipt of the revocation decision or the court's effective decision, the Company must convene a General Meeting of Shareholders to approve the resolution to decide on dissolution.

b. The resolution and decision to dissolve the Company must contain the following principal contents:

- Name and address of the Company's head office;
- Reason for dissolution;
- Time limit and procedures for liquidating contracts and settling the Company's debts;
- Plan for handling obligations arising from labor contracts;
- Full name and signature of the Chairman of the Board of Directors.

c. The Board of Directors establishes the Company's Asset Liquidation Committee.

d. Within seven working days from the date of approval, the resolution, decision on dissolution, and meeting minutes must be sent to the Business Registration Authority, tax authority, and employees of the Company. The resolution and decision on dissolution must be published on the National Business Registration Portal and publicly posted at the Company's head office, branches, and representative offices.

In case the Company has outstanding financial obligations, the resolution, decision on dissolution, and debt settlement plan must be sent to creditors, persons with rights, obligations, and related interests. The debt settlement plan must include the name and address of the creditor; the amount of debt, time limit, location, and method of payment; and the manner and time limit for resolving creditor complaints.

đ. The legal representative shall submit the dissolution dossier to the Business Registration Authority within five working days from the date of full settlement of the Company's debts.

Article 56. Liquidation

1. After the decision to dissolve the Company, the Board of Directors must establish a Liquidation Committee consisting of three members. Two members are appointed by the General Meeting of Shareholders, and one member is appointed by

the Board of Directors from an independent auditing company. The Liquidation Committee prepares its operational regulations. Members of the Liquidation Committee may be selected from the Company's employees or independent experts. All costs related to liquidation are prioritized for payment by the Company before other debts.

2. The Liquidation Committee is responsible for reporting to the Business Registration Authority on the date of establishment and the commencement date of operations. From that point, the Liquidation Committee represents the Company in all matters related to the liquidation before the Court and administrative authorities.

3. Proceeds from the liquidation are paid in the following order:

a. Liquidation expenses;

b. Salary debts, severance allowances, social insurance, health insurance, unemployment insurance as prescribed by law, and other benefits of employees according to the collective labor agreement and signed labor contracts;

c. Tax debts;

d. Other debts;

d. The remainder, after settling all debts from points a to d above, shall be distributed to the shareholders. Preferred shares (if any) shall be prioritized for payment first.

CHAPTER XIX. RESOLUTION OF INTERNAL DISPUTES

Article 57. Resolution of Internal Disputes

1. In the event of a dispute or complaint related to the Company's operations or the rights and obligations of shareholders as stipulated in this Charter, the Enterprise Law, or other legal provisions between:

a. Shareholders and the Company;

b. Shareholders and the Board of Directors, Supervisory Board, General Director, or other executives,

The parties involved shall endeavor to resolve such disputes through negotiation and mediation. Except for disputes involving the Board of Directors or the Chairman of the Board, the Chairman of the Board shall preside over the resolution of the dispute and request each party to present relevant information concerning the dispute within fifteen (15) working days from the date the dispute arises. In cases involving the Board of Directors or the Chairman of the Board, any party may request the Head of the Supervisory Board to appoint an independent expert to mediate the dispute resolution process.

2. If no mediation decision is reached within six (06) weeks from the commencement of the mediation process or if the mediator's decision is not accepted by the parties, any party may bring the dispute to a competent court.

3. Each party shall bear its own costs related to the negotiation and mediation procedures. Court costs shall be settled according to the Court's Judgment/Decision.

CHAPTER XX. AMENDMENT AND SUPPLEMENTATION OF THE CHARTER

Article 58. Amendment and Supplementation of the Charter

1. The amendment and supplementation of this Charter must be considered and decided by the General Meeting of Shareholders.

2. In cases where legal provisions related to the Company's operations are not mentioned in this Charter or where new legal provisions differ from the contents of this Charter, such provisions shall be applied to regulate the Company's operations.

CHAPTER XXI. EFFECTIVENESS

Article 59. Effectiveness

1. This Charter, comprising 21 chapters and 59 articles, was approved by the General Meeting of Shareholders of Dong Nai Material & Building Investment Joint - Stock Company on April 11, 2026, replacing the Charter dated April 13, 2025. This Charter is made in ten (10) copies, each of equal validity. One (01) copy shall be submitted to the Business Registration Authority as prescribed by Enterprise Law; nine (09) copies shall be retained at the Company.

3. This Charter is the sole and official Charter of the Company.

4. Copies or extracts of this Charter shall be valid when signed by the Chairman of the Board of Directors or the General Director.

**LEGAL REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR**



Tran Anh Dien

APPENDIX NO. 01/PLDL
**Attached is the Charter of Dong Nai Material & Building Investment Joint -
 Stock Company**

BUSINESS LINES

| No. | Industry Name | Industry Code |
|-----|--|---------------|
| 1 | Mining of stone, sand, gravel, and clay Details: Mining and processing of various types of sand, soil, and stone. | 0810 |
| 2 | Direct support activities for water transportation | 5222 |
| 3 | Manufacture of cement, lime, and plaster Details: Cement production. | 2394 |
| 4 | Manufacture of concrete and products from concrete, cement, and plaster Details: Production of ready-mixed concrete; Production of cement-based bricks. | 2395 |
| 5 | Construction of residential buildings Details: Construction of civil works, investment in residential areas, restaurants, high-rise buildings, and office leasing. | 4101 |
| 6 | Construction of non-residential buildings Details: Investment in industrial zones, commercial centers. | 4102 |
| 7 | Construction of power projects Details: Investment in hydropower plants. | 4221 |
| 8 | Construction of water projects Details: Construction of irrigation works. | 4291 |
| 9 | Construction of other civil engineering projects Details: Construction of industrial works. Investment in construction and business of industrial zone infrastructure, residential areas. | 4299 |
| 10 | Site preparation Details: Ground leveling. | 4312 |
| 11 | Installation of electrical systems Details: Construction and installation of electrical works up to 220KV. | 4321 |

| No. | Industry Name | Industry Code |
|-----|--|---------------|
| 12 | Wholesale of machinery, equipment, and other machine parts Details: Trading, import, and export of industrial and agricultural machinery and equipment. | 4659 |
| 13 | Wholesale of other construction materials and installation equipment Details: Trading of various types of sand, soil, and stone. Trading, import, and export of construction materials, Trading of cement-based bricks. | 4673 |
| 14 | Technical testing and analysis Details: Inspection, analysis, and quality testing services for construction materials. | 7120 |
| 15 | Real estate business, land use rights owned, used, or leased. | 6810 |
| 16 | Road freight transport. | 4933 |
| 17 | Manufacture of building materials from clay Details: Production of various types of tiles. | 2392 |

**LEGAL REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR**



Tran Anh Dien